

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để triển khai
lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 268/TTr-STC ngày 29 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*kèm theo Phụ lục nội dung quy hoạch cần điều chỉnh*), cụ thể như sau:

1. Mục tiêu: Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm tổ chức hợp lý không gian phát triển của tỉnh trong bối cảnh mới, có sự thay đổi về quy mô dân số, địa giới hành chính. Xây dựng Hưng Yên trở thành thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của văn hóa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

2. Nội dung: Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính cần điều chỉnh như sau:

a) Điều chỉnh phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của tỉnh.

b) Điều chỉnh đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

c) Điều chỉnh dự báo xu thế phát triển; xác định chiến lược và xây dựng kịch bản phát triển của tỉnh.

d) Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển.

đ) Điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh.

e) Điều chỉnh phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trong phạm vi không gian lãnh thổ của tỉnh; phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp xã.

g) Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng.

h) Điều chỉnh định hướng sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã (cập nhật theo quy định hiện hành của pháp luật).

i) Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

k) Điều chỉnh phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

l) Điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

m) Điều chỉnh danh mục chương trình, dự án ưu tiên thực hiện.

n) Điều chỉnh giải pháp và dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

o) Điều chỉnh, cập nhật hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

3. Sản phẩm: Hồ sơ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

5. Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch: Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên.

6. Cơ quan phối hợp

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

7. Thời gian: Thực hiện theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo các nội dung cần điều chỉnh trong quyết định này, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH^{Hải}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lê Huy

PHỤ LỤC

Nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH HƯNG YÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Quy hoạch tỉnh Hưng Yên là công cụ quan trọng nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng trên phạm vi không gian lãnh thổ của tỉnh, là cơ sở định hướng tổ chức không gian phát triển, phân bổ nguồn lực, kết nối vùng và điều phối các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường. Việc thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội, cùng với định hướng phát triển trong kỷ nguyên mới đã đặt ra yêu cầu khách quan về điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên. Sự thay đổi về địa giới hành chính và quan điểm phát triển không chỉ tác động đến ranh giới, quy mô quản lý mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các định hướng chiến lược, không gian tổ chức phát triển và phân bổ nguồn lực. Do đó, quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần được rà soát, cập nhật và điều chỉnh toàn diện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phản ánh đầy đủ chủ trương mới trên một không gian phát triển mở rộng. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh Hưng Yên phát huy lợi thế quy mô sau sáp nhập, hình thành các cực tăng trưởng mới và thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới. Việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên là yêu cầu cấp thiết nhằm:

- Bảo đảm phù hợp với phạm vi, quy mô, tính chất không gian hành chính của tỉnh Hưng Yên mới sau sắp xếp đơn vị hành chính, với diện tích 2.514,81 km², quy mô dân số 3.235.167 người¹. Việc sáp nhập 2 tỉnh để thành lập tỉnh Hưng Yên mới, cùng với các quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã mở rộng không gian phát triển, tạo lợi thế, tiềm năng, cơ hội (quỹ đất rộng, lực lượng lao động dồi dào, tiềm năng thúc đẩy phát triển công nghiệp, đô thị, kinh tế biển...) và động lực tăng trưởng mạnh mẽ, là tiền đề để tỉnh tiếp tục vươn lên, hội nhập sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững. Tỉnh Hưng Yên có vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng giao thông đa phương tiện kết nối vùng tương đối đồng bộ; nằm cạnh thủ đô Hà Nội - Trung tâm chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ của cả nước; đồng thời nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng động lực phát triển hàng đầu, trong tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và giáp ranh với các địa phương đang phát triển rất nhanh, năng động.

- Cụ thể hóa quan điểm phát triển trong kỷ nguyên mới của Đảng và Nhà nước. Gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là

¹ Theo Văn bản số 1965/CTK-DSLĐ ngày 19/9/2025 của Cục Thống kê.

then chốt; phát triển văn hóa, con người Hưng Yên là nền tảng; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

- Đổi mới tư duy, mở rộng tầm nhìn chiến lược, vững vàng, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, vượt qua giới hạn, tạo đột phá phát triển, đưa Hưng Yên tiến nhanh, tiến kịp, tiến cùng và vượt lên các địa phương khác. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi nhất huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Tạo bước đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và tính hiệu quả, sức cạnh tranh của tỉnh; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất. Thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới.

- Phát triển nhanh và bền vững dựa vào khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý thuận lợi và liên kết vùng, các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị; kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy mọi nguồn lực, động lực. Phát triển công nghiệp hiện đại là chủ đạo, đô thị văn minh là trung tâm và kinh tế biển bền vững là chủ lực. Phát huy giá trị truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng anh hùng và con người Hưng Yên trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Phát triển hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh.

Việc lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên không chỉ là yêu cầu, đòi hỏi khách quan mà là nhiệm vụ cấp thiết cần triển khai thực hiện nhằm bảo đảm cho quy hoạch đã được phê duyệt phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trong giai đoạn tiếp theo.

II. CĂN CỨ

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025;

- Kết luận của Bộ Chính trị tại Công văn số 15902-CV/VPTW ngày 06/7/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;
- Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;
- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 12/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Quy hoạch đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);
- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm xây dựng định hướng phát triển toàn diện, nhanh và bền vững cho

tỉnh Hưng Yên, phù hợp và phát huy tối đa hiệu quả việc tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo Nghị quyết số 60-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội. Quy hoạch tỉnh Hưng Yên xác lập mới không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh Hưng Yên; hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức cao, nhanh, xanh, bền vững và bao trùm, đồng thời bảo đảm quốc phòng an ninh và ổn định xã hội trong dài hạn. Đây cũng là công cụ quan trọng để cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Là công cụ quản lý của nhà nước trong việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực để phát triển kinh tế tỉnh theo hướng tăng trưởng xanh, nhanh và bền vững.

- Xác định phạm vi, ranh giới và không gian phát triển tỉnh sau khi thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm thống nhất với tổ chức lãnh thổ quốc gia.

- Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên để cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đánh giá tiềm năng, thế mạnh, các yếu tố động lực của tỉnh Hưng Yên trên cơ sở không gian mới để đề xuất giải pháp phát triển phù hợp và hiệu quả.

- Làm rõ vai trò, chức năng của tỉnh Hưng Yên trong vùng Đồng bằng sông Hồng, trong tổng thể quốc gia, gắn với mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bao trùm, tăng trưởng hai con số.

- Xác định, điều chỉnh, bổ sung quan điểm, mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định, điều chỉnh và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh; phương án phát triển, phân bổ nguồn lực trên địa bàn; phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh, đáp ứng yêu cầu quản lý chung nhằm phát triển tỉnh, các địa phương trong vùng và quốc gia.

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng

Toàn bộ không gian tỉnh Hưng Yên mới sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành

chính cấp tỉnh, với diện tích là 2.514,81 km², quy mô dân số là 3.235.167 người².

2. Phạm vi

- Phạm vi nghiên cứu bao gồm: Toàn bộ phạm vi lập quy hoạch và những vấn đề của vùng Đồng bằng sông Hồng, cả nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp hoặc ảnh hưởng lớn đến tỉnh Hưng Yên; những nội dung liên tỉnh, liên vùng như kết nối nội bộ vùng Đồng bằng sông Hồng, liên vùng và với cả nước.

- Phạm vi không gian: Toàn bộ không gian lãnh thổ của tỉnh Hưng Yên.

- Phạm vi thời gian: Thời kỳ quy hoạch 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch và định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia.

V. YÊU CẦU

1. Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quy hoạch. Việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và nội dung quy định tại Luật Quy hoạch, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định có liên quan về điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh.

2. Phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Nội dung điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm phù hợp với phạm vi, ranh giới hành chính mới của tỉnh Hưng Yên theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025.

3. Đảm bảo tính kế thừa, cập nhật và điều chỉnh có chọn lọc. Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và Quy hoạch tỉnh Thái Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 và Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.

4. Gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng.

5. Bảo đảm tính liên kết, thống nhất và đồng bộ với các quy hoạch khác. Nội dung điều chỉnh phải đảm bảo thống nhất, không chồng chéo, mâu thuẫn với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng an ninh.

6. Phản ánh đầy đủ các xu thế phát triển mới và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Nhiệm vụ điều chỉnh cần xác định rõ các động lực mới của tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bao trùm và bền vững.

7. Đảm bảo tính khả thi, có luận chứng khoa học, thực tiễn rõ ràng. Các nội dung đề xuất trong nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch cần có cơ sở lý luận và thực tiễn, bảo đảm khả năng tổ chức thực hiện trong thực tế, đặc biệt là về tổ chức không gian, thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng then chốt.

² Văn bản số 1965/CTK-DSLĐ ngày 19/9/2025 của Cục Thống kê

VI. NỘI DUNG

Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn phát triển mới của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp lại đơn vị hành chính, việc lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh sẽ được triển khai toàn diện, bảo đảm đồng bộ từ khâu đánh giá hiện trạng, tiềm năng, nguồn lực đặc thù cho đến định hướng không gian phát triển, phân bổ nguồn lực và xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện. Nội dung triển khai tập trung làm rõ đặc điểm và vai trò của tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và Quốc gia; cập nhật các xu hướng phát triển mới; xác định các ngành có lợi thế, phương án tổ chức không gian phát triển, liên kết nội vùng, bảo vệ tài nguyên môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, đồng thời đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm và danh mục dự án dự kiến đầu tư nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các nội dung quy hoạch cần điều chỉnh bao gồm:

1. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của tỉnh

a) Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường của tỉnh

- Điều chỉnh phạm vi ranh giới hành chính của tỉnh. Phân tích, làm rõ các giá trị về vị trí địa kinh tế - chính trị của tỉnh sau điều chỉnh ranh giới.

- Điều chỉnh, bổ sung phân tích, đánh giá các điều kiện về địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn, hải văn tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, tài nguyên du lịch, tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển của tỉnh sau khi điều chỉnh ranh giới. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Điều chỉnh, bổ sung phân tích, đánh giá về quy mô, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng và chất lượng của dân số, lao động của tỉnh sau khi điều chỉnh ranh giới.

b) Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng Đồng bằng sông Hồng, quốc gia

Điều chỉnh, bổ sung, phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của tỉnh Hưng Yên đối với vùng Đồng bằng sông Hồng và đối với quốc gia sau khi điều chỉnh ranh giới.

c) Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh

Điều chỉnh, bổ sung, phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện của vùng Đồng bằng sông Hồng, quốc gia và quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh Hưng Yên sau khi điều chỉnh ranh giới.

d) Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

Điều chỉnh, bổ sung, phân tích, đánh giá các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sau khi điều chỉnh ranh giới.

2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn

a) Điều chỉnh, bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khả năng

huy động nguồn lực.

b) Điều chỉnh, bổ sung đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh gồm dân số, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ.

c) Điều chỉnh, bổ sung tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh.

d) Điều chỉnh, bổ sung đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh.

đ) Rà soát, bổ sung xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

3. Điều chỉnh dự báo xu thế phát triển; xác định chiến lược và xây dựng kịch bản phát triển của tỉnh

a) Bổ sung, cập nhật phân tích các yếu tố tác động từ bên ngoài tác động đến tỉnh (về tự nhiên, môi trường, quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư hạ tầng).

b) Dự báo các yếu tố tác động chủ yếu đến tỉnh.

- Cập nhật phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động quốc tế đến phát triển tỉnh.

- Cập nhật phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động từ quốc gia, vùng đến phát triển tỉnh.

- Cập nhật, bổ sung phân tích, dự báo các yếu tố tác động từ các tỉnh/thành phố lân cận.

c) Xác định chiến lược phát triển của tỉnh

d) Xây dựng kịch bản phát triển

- Xây dựng mới các kịch bản phát triển cho tỉnh.

- Luận chứng lựa chọn kịch bản phát triển cho tỉnh.

4. Quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển tỉnh

a) Điều chỉnh các quan điểm về phát triển tỉnh, tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

b) Điều chỉnh mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh.

c) Điều chỉnh, cập nhật các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh các mục tiêu về kinh tế gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh các mục tiêu về xã hội gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh các mục tiêu về quốc phòng, an ninh gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh, cập nhật các mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh, cập nhật các mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh, cập nhật các chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp chung.

- Điều chỉnh, cập nhật các chỉ tiêu về không gian.

d) Điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

5. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh, bổ sung xác định các ngành quan trọng tỉnh có lợi thế và mục tiêu phát triển.

b) Điều chỉnh, bổ sung định hướng tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh.

c) Điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh.

6. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trong phạm vi không gian lãnh thổ của tỉnh; phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp xã

a) Điều chỉnh, sắp xếp và tổ chức lại không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh.

b) Điều chỉnh, bổ sung phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng.

c) Điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển.

d) Điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) Điều chỉnh phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của tỉnh.

e) Điều chỉnh phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp xã.

7. Phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu nghiên cứu, đào tạo; phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó

khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực.

b) Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn, mạng lưới đường tỉnh.

c) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh.

d) Phương án phát triển mạng lưới viễn thông; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh.

đ) Phương án phát triển mạng lưới công trình thủy lợi, hệ thống đường ống cấp nước, thoát nước bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn.

e) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải; phương án phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

g) Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội; các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh.

8. Điều chỉnh định hướng sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã (cập nhật theo các quy định hiện hành của pháp luật)

a) Xác định, điều chỉnh định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đã được xác định; bảo đảm nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của tỉnh; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội...

b) Điều chỉnh, hoàn thiện sơ đồ định hướng phân vùng tổng hợp sử dụng đất.

9. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh, bổ sung nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Điều chỉnh phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

c) Điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với

các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh tỉnh.

d) Điều chỉnh phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh.

đ) Điều chỉnh phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

e) Điều chỉnh phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

g) Điều chỉnh, sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải.

10. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh, bổ sung phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

b) Điều chỉnh khoanh định khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần thăm dò, khai thác.

c) Điều chỉnh phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước.

d) Điều chỉnh, bổ sung các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước.

đ) Điều chỉnh, cập nhật đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra hiện có; xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

11. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn.

b) Điều chỉnh nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai.

c) Điều chỉnh phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

d) Điều chỉnh phương án phòng chống lũ các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

12. Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh

a) Điều chỉnh, bổ sung tiêu chí xác định danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

b) Điều chỉnh, bổ sung luận chứng xây dựng danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch; đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án.

13. Giải pháp và dự kiến nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch

a) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về huy động vốn đầu tư.

b) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

c) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ.

d) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển.

đ) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về quản lý, kiểm soát, phát triển đô thị và nông thôn.

e) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

14. Điều chỉnh, cập nhật hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch.

15. Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt.